

-----***-----

-----***-----

Số: 14/2024/QĐST-DS

Hoàn Kiếm, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC Đ- ONG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 17 - Luật phí và lệ phí 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và điểm e, khoản 1.3, Điều 1, phần II, mục A - Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 173/2023/TLST- DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: NGÂN HÀNG TMCP VCB**

Địa chỉ trụ sở chính: Phường LTT, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T- Chức vụ: Tổng giám

đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Đặng Kiên Đ** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP VCB— chi nhánh Sở giao dịch.

Giấy uỷ quyền số: 98/UQ-VCB-PC ngày 04/4/2024.

Ông Đặng Kiên Định uỷ quyền lại cho **ông Nguyễn Minh T** - Chức vụ: Trưởng phòng và ông Phạm Việt P – Phó trưởng phòng, phòng khách hàng bán lẻ 1 Ngân hàng TMCP VCB– chi nhánh Sở giao dịch;

Giấy uỷ quyền số: 99/UQ-SGD.QLNS ngày 04/4/2024.

*** Bị đơn:**

- **Ông Dương Minh D,** **sinh năm: 1975**

Căn cước công dân số: 035075010204 do Cục Cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và DLQ về dân cư cấp ngày 10/5/2021.

- **Bà Trịnh Minh T** **sinh năm: 1987**

Căn cước công dân số: 001187016144 do Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG lân cư cấp ngày 19/8/2021.

Ông D, bà T cùng có hộ khẩu thường trú tại: phường PĐH quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Cùng cư trú tại: phố NS, quận Long Biên, Hà Nội.

Ông D uỷ quyền cho bà T. Giấy uỷ quyền ngày 13.6.2024.

II. Sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

1. Ngân hàng TMCP VCB do ông Nguyễn Minh T - Chức vụ: Trưởng phòng và ông Phạm Việt P – Phó trưởng phòng, phòng khách hàng bán lẻ 1 Ngân hàng TMCP VCB– chi nhánh Sở giao dịch là đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số: 99/UQ-SGD.QLNS ngày 04/4/2024) và ông Dương Minh D do bà T là đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 13.6.2024) + bà Trịnh Minh T cùng tự nguyện thoả thuận: Ngân hàng TMCP VCB- và ông Dương Minh D, bà Trịnh Minh T có ký 02 Hợp đồng tín dụng số 21/KHBL1-BDS-K/052 ngày 25/02/2021 và hợp đồng tín dụng số 22/KHBL1-BDS-K/0112 ngày 24/03/2022. Quá trình thực hiện 02 Hợp đồng đã ký giữa hai bên không có tranh chấp gì.

Tính đến hết ngày 15/07/2024, ông Dương Minh D và bà Trịnh Minh T còn nợ ngân hàng VCB Chi nhánh Sở giao dịch số tiền **47.991.410.391 VNĐ** (Bằng chữ: Bốn mươi bảy tỷ, chín trăm chín mươi một triệu, bốn trăm mười nghìn, ba trăm chín mươi một đồng), cụ thể:

*** Hợp đồng tín dụng số 21/KHBL1-BDS-K/052 ngày 25/02/2021**

+ Nợ gốc: 39.274.054.985 VND

+ Nợ lãi trong hạn: 7.943.596.906 VND

+ Nợ lãi quá hạn: 37.702.934 VND

Tổng cộng: 47.255.354.825 VND

*** Hợp đồng tín dụng số 21/KHBL1-BDS-K/052 ngày 24/03/2022**

+ Nợ gốc: 0 VND

+ Nợ lãi trong hạn: 733.528.047 VND

+ Nợ lãi quá hạn: 2.527.519 VND

Tổng cộng: 736.055.566 VND

2. Ngân hàng TMCP VCB- với ông Dương Minh D do bà Trịnh Minh T đại diện theo uỷ quyền và bà Trịnh Minh T cùng thống nhất tự nguyện thỏa thuận về lộ trình trả nợ như sau:

2.1. Phương án 1:

+) Ông D, bà T sẽ trả số tiền 30 tỷ đồng nợ gốc chậm nhất vào ngày 31/3/2025 và Ngân hàng VCB sẽ miễn cho ông D, bà T số tiền lãi là 02 tỷ đồng.

+) Số tiền gốc lãi (trong hạn và quá hạn) còn lại bắt đầu từ 01/4/2025 mỗi tháng ông D, bà T trả tối thiểu 200 triệu đồng bao gồm cả tiền gốc và lãi (trong hạn và quá hạn) theo đúng các điều khoản các bên đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 21/KHBL1-BDS-K/052 ngày 25/02/2021 và số tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số 22/KHBL1-BDS-K/0112 ngày 24/03/2022, các giấy nhận nợ kèm theo cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ gốc lãi.

2.2. Phương án 2:

Trường hợp hết ngày 31/3/2025 ông D, bà T không được thực hiện phương án 1 thì ông D, bà T cam kết lịch trình trả nợ như sau:

+) Từ 01/4/2025 – 01/4/2026: mỗi tháng ông D, bà T trả tiền nợ gốc là 300 triệu đồng.

+) Từ 01/4/2026 – 01/4/2027: mỗi tháng ông D, bà T trả tiền nợ gốc là 500 triệu đồng.

+) Từ 01/4/2027 – 01/4/2028: mỗi tháng ông D, bà T trả tiền nợ gốc là 400 triệu đồng.

+) Từ 01/4/2028 – 01/4/2029: mỗi tháng ông D, bà T trả tiền nợ gốc là 500 triệu đồng.

+) Tháng 5/2029 ông D, bà T sẽ tắt toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi còn lại theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên và các giấy nhận nợ kèm theo.

III. Kể từ ngày 16/7/2024, ông D, bà T phải chịu số tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận Hợp đồng tín dụng số 21/KHBL1-BDS-K/052 ngày 25/02/2021 và các giấy nhận nợ đã ký giữa các bên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

IV. Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông D, bà T vi phạm bất kỳ 01 kỳ tại nghĩa vụ thanh toán theo lộ trình trả nợ trên dẫn đến một tháng trả nợ bị quá hạn thì mặc nhiên coi như các tháng trả nợ còn lại cũng bị quá hạn, các đương sự đồng ý Ngân hàng VCB có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 999140, số vào sổ cấp GCN: CS 48461 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/12/2017 cho ông Dương Minh D và bà Trịnh Minh T, cụ thể như sau:

- + Thừa đất tại địa chỉ: phường TB, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.
- + Diện tích: 216,9 m² (Bằng chữ: Hai trăm mười sáu phẩy chín mét vuông).
- + Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- + Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị
- + Thời hạn sử dụng: Lâu dài.
- + Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Nhà ở:

- + Loại nhà ở: Nhà ở riêng lẻ
- + Diện tích sàn tầng 1: 123,9 m²
- + Tổng diện tích sàn xây dựng: 1378,07 m²
- + Số tầng: 07 tầng + 01 tầng lửng + tum thang + 01 tầng hầm.

Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ở và nhà ở số: 21/KHBL1-TC/0052 ngày 25/02/2021, số công chứng: 980.2021/HĐTC do Văn phòng công chứng Phan Xuân, thành phố Hà Nội chứng nhận ngày 25/02/2021, đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 26/7/2021 để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

III. Về án phí: Các đương sự thống nhất thỏa thuận chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông D và bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.997.852 đồng. Ngân hàng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.997.852 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 78.851.579 đồng (*bảy tám triệu tám trăm năm mươi nghìn năm trăm bảy chín đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0052217 ngày 03/4/2023 và được nhận lại số tiền là 39.853.727 đồng (*ba chín triệu tám trăm năm ba nghìn bảy trăm hai bảy đồng*).

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

V. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đ-ơng sự
- Viện kiểm sát quận Hoàn Kiếm
- Chi cục THA quận Hoàn Kiếm
- L-ưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Hồng Hạnh